UBND Xã: Hưng Đạo

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**6,368,446,776**	**754,380,000**	**5,614,066,776**	**2,516,076,016**	**500,000,000**	**2,016,076,016**	**39.51**	**66.28**	**35.91**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	575,554,722	575,554,722		500,000,000	500,000,000		86.87	86.87	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	28,000,000		28,000,000						
4	Chi văn hóa, thông tin	75,000,000		75,000,000	10,500,000		10,500,000	14		14
5	Chi phát thanh, truyền thanh	275,772,000		275,772,000	42,288,000		42,288,000	15.33		15.33
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường	70,000,000		70,000,000	32,500,000		32,500,000	46.43		46.43
8	Chi các hoạt động kinh tế	379,531,078	178,825,278	200,705,800	73,498,000		73,498,000	19.37		36.62
	Giao thông	208,825,278	178,825,278	30,000,000						
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	170,705,800		170,705,800	73,498,000		73,498,000	43.06		43.06
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,381,037,976		4,381,037,976	1,584,794,049		1,584,794,049	36.17		36.17
10	Chi cho công tác xã hội	437,551,000		437,551,000	121,159,000		121,159,000	27.69		27.69
11	Chi khác	62,000,000		62,000,000	151,336,967		151,336,967	244.09		244.09
12	Dự phòng	84,000,000		84,000,000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									